

Bản án số: 60/2022/DS-ST  
Ngày: 24 - 6 - 2022  
V/v: “Tranh chấp dân sự  
về Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Văn H.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn H.

2. Ông Phạm Quốc H.

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:*** không tham gia.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2022/TLST-DS ngày 24/3/2022 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2022/QĐXX-DS ngày 23/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2022/QĐST-DS ngày 09/6/2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ

Địa chỉ trụ sở: Tháp BIDV, số 35 H, quận H, thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Sơn H; chức vụ: Chuyên viên Phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Đ và ông Phan Anh T; chức vụ: Chuyên viên Quản lý khách hàng Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh A - PGD Thoại Sơn. (Theo Quyết định số 43/QĐ-BIDV.AG ngày 20/01/2022 của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh A).

Địa chỉ liên hệ: số 185, Lý Thái Tổ, khóm 5, phường M, thành phố L, tỉnh A .

***2. Bị đơn:*** bà Mai Thị D , sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp V, xã V , huyện T , tỉnh A .

(Đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Sơn H có mặt, bị đơn vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (do ông Nguyễn Sơn Hà, đại diện) trình bày:*

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, bà Mai Thị D có đến Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh L - Phòng Giao dịch T (nay là Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh A - Phòng Giao dịch T) ký hợp đồng tín dụng số 01/2017/9972399/HĐTD để vay số tiền 100.000.000 đồng. Mục đích vay: tiêu dùng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 06 tháng/lần. Việc điều chỉnh lãi suất được Ngân hàng thông báo vào các ngày 01 tháng 4 và ngày 01 tháng 10 hàng năm (nếu có thay đổi). Lãi suất thay đổi theo thông báo của Ngân hàng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc định kỳ vào ngày 12 hàng tháng, từ tháng 8/2017 đến tháng 6/2022 mỗi tháng bà D trả cho Ngân hàng số tiền là 1.600.000 đồng; riêng ngày 12/7/2022 trả số tiền 5.600.000 đồng. Lãi suất vay trả trùng với ngày trả nợ gốc. Khi vay bà D không thế chấp tài sản. Sau khi vay, tính đến ngày 08/5/2020 bà D có trả tổng số tiền vốn 48.770.000 đồng và lãi theo thỏa thuận thì ngưng cho đến nay. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần cử nhân viên đến gặp bà D để thu hồi vốn, lãi nhưng bà D hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà Mai Thị D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 24/6/2022 là 70.423.986 đồng, (trong đó gốc 51.230.000 đồng, lãi là 19.193.986 đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/9972399/HĐTD ngày 12/7/2017 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

*Bị đơn bà Mai Thị D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Đ với bà Mai Thị D là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn bà Mai Thị D có địa chỉ tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ bà D đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập bà D đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện bà Mai Thị D để yêu cầu trả số tiền gốc, lãi tính đến 24/6/2022 là 70.423.986 đồng, (trong đó gốc 51.230.000 đồng, lãi là 19.193.986 đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/9972399/HĐTD ngày 12/7/2017 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, ngày 12/7/2017 bà Mai Thị D có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9972399/HĐTD để vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 100.000.000 đồng. Mục đích vay: tiêu dùng. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 06 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tuy nhiên, từ khi vay đến ngày 08/5/2020 bà D không thực hiện nghĩa vụ theo đúng phân kỳ của Ngân hàng mà chỉ trả tổng số tiền gốc là 48.770.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận thì ngưng cho đến nay.

[6] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Mặc dù bà D trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến tham gia các phiên hòa giải và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ trên.

Xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa Ngân hàng TMCP Đ với bà Mai Thị D là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng; hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các điều 119, 398, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hợp đồng được ký kết phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Do bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu bà D trả số tiền gốc và lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Mai Thị D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc, lãi tính đến 24/6/2022 là 70.423.986 đồng, (trong đó gốc 51.230.000 đồng, lãi là 19.193.986 đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/9972399/HĐTD ngày 12/7/2017 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Mai Thị D bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 119, 398, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm

2017; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ .

**1.1.** Buộc bị đơn bà Mai Thị D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh A, đại diện nhận) tổng số tiền gốc, lãi tính đến 24/6/2022 là 70.423.986 đồng (bảy mươi triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng), (trong đó gốc 51.230.000 đồng, lãi là 19.193.986 đồng).

**1.2.** Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

**2.1.** Bà Mai Thị D phải chịu 3.521.199 đồng (ba triệu năm trăm hai mươi một nghìn, một trăm chín mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**2.2.** Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.556.812 đồng (một triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm mười hai đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0008761, ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh A, đại diện nhận).

**3.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**Trần Văn H**